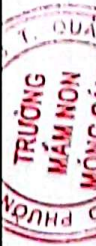


UBND PHƯỜNG MÔNG CẢI 3
TRƯỜNG MẦM NON MÔNG CẢI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY
(Ngày 05 tháng 01 năm 2026)

Số: 744 trẻ (Trong đó: 419; Hai Đông: 325 trẻ)

Trưa: Com trắng, Thịt lợn nạc, tim/ trứng chim cắt hành mùi, Canh xương lợn nấu rau củ quả, hành mùi

Chiều: Cháo xương lợn hải sản (ghẹ bẻ, tôm, ngô...) đậu xanh, bí đỏ, Sữa Me tacare Kinder

Tiền ăn: 23.520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					12.578.000		7.104.000		5.474.000
1	Bí đỏ	30.000	Kg	7	210.000	4	120.000	3	90.000
2	Cà rốt	30.000	Kg	5	150.000	4	120.000	1	30.000
3	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	2	100.000	1,5	75.000	0,5	25.000
4	Gỏi giá vị kho tàu Ajī-Quinch	250.000	Kg	1,4	350.000	0,8	200.000	0,6	150.000
5	Hành khô	60.000	Kg	0,6	36.000	0,3	18.000	0,3	18.000
6	Hành lá	45.000	Kg	2	90.000	1	45.000	1	45.000
7	Khoai tây	30.000	Kg	11	330.000	6	180.000	5	150.000
8	Ngũ ngọt	35.000	Kg	11	385.000	7	245.000	4	140.000
9	Nước cốt dừa wonderfarm	150.000	Kg	0,5	75.000	0,3	45.000	0,2	30.000
10	Rau mùi	85.000	Kg	1,4	119.000	1	85.000	0,4	34.000
11	Thịt ghẹ bóc nỡm	550.000	Kg	3,5	1.925.000	2	1.100.000	1,5	825.000
12	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	26	3.380.000	14,2	1.846.000	11,8	1.534.000
13	Tôm nỡm	220.000	Kg	5,5	1.210.000	3,5	770.000	2	440.000
14	Trứng chim cút	90.000	Kg	32,7	2.943.000	17,5	1.575.000	15,2	1.368.000
15	Xương lợn	85.000	Kg	15	1.275.000	8	680.000	7	595.000
Nhóm xuất kho					4.921.000		2.749.000		2.172.000

1	Gạo tẻ	20,000	Kg	71	1,420,000	37,5	750,000	33,5	670,000
2	Đường kính	30,000	Kg	1	30,000	0,5	15,000	0,5	15,000
3	Nước mắm Nam Ngư	70,000	Lit	0.9	63,000	0,5	35,000	0,4	28,000
4	Muối iốt tinh	15,000	Kg	0.8	12,000	0,4	6,000	0,4	6,000
5	Dầu ăn meizan	60,000	Kg	6.5	390,000	3,5	210,000	3	180,000
6	Mì chính ajinomoto	80,000	Kg	0.2	16,000	0,1	8,000	0,1	8,000
7	Sữa Meta Care Kinder	230,000	Kg	13	2,990,000	7,5	1725,000	5,5	1265,000
Tổng chi					17.499.000		9.853.000		7.646.000
Tổng thu					17.498.880		9.854.880		7.644.000
Thừa (Thiếu)					-120		1.880		-2000